

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2021/DS-PT

Ngày: 09/6/2021.

V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vân.

Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương, Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2021/TLPT-DS ngày 10/3/2021 về việc tranh chấp: “*Quyền sở hữu về tài sản là quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 262/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2021/QĐ-PT ngày 10/3/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Huỳnh Văn C, sinh năm 1960; (có mặt)

Lưu Thị T, sinh năm 1960; (có văn bản yêu cầu vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

*. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Huỳnh Văn C:*
Luật sư Võ Trọng K - thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Trần Ngọc T, sinh năm 1964; (có mặt)

Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1965; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Trương Mỹ S, sinh năm 1960; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

Lê Thị A, sinh năm 1946; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

Trần Thị Ánh S, sinh năm 1964; (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

Ngô Thị H, sinh năm 1964; (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Minh S, sinh năm 1956; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Lê Văn L, sinh năm 1967;
Đại diện ủy quyền: Phan Thị Mai T, sinh năm 1970; (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Võ Văn S, sinh năm 1960; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thị S, sinh năm 1949; (có văn bản yêu cầu vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thị B, sinh năm 1951; (có văn bản yêu cầu vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; (có văn bản yêu cầu vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thành T, sinh năm 1957; (có văn bản yêu cầu vắng mặt)
Lê Kim K, sinh năm 1958; (có văn bản yêu cầu vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Văn phòng Công chứng huyện P; (có văn bản yêu cầu vắng mặt)
Đại diện theo pháp luật: Võ Thị T - Trưởng Văn Phòng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện P; (có văn bản yêu cầu vắng mặt)
Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Lâm S - Chức vụ: Chi cục trưởng.

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P;
Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Phương L - Chức vụ: Phó Chi cục trưởng phụ trách. (có văn bản yêu cầu vắng mặt)

Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang;
Trụ sở: Khu phố M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Tiền Giang. (có văn bản yêu cầu vắng mặt)

4. *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị A, Trần Thị Ánh S, Ngô Thị H, Nguyễn Minh S, Lê Văn L, Võ Văn S, Trương Mỹ S;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị T trình bày:
Vào năm 2011, vợ chồng ông bà có thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T, bà T tổng diện tích 32.000m², tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang với giá 500.000.000 đồng/10.000m²;

Hai bên đã làm giấy tay chuyển nhượng đất trong đó: Ngày 30/11/2011, hai bên thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 20.000m², giá chuyển nhượng 01 tỷ đồng tương đương 23 cây vàng. Ngày 07/12/2011, hai bên tiếp tục thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 5.800m², giá chuyển nhượng 290.000.000 đồng;

Tại thời điểm vợ chồng ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì tất cả quyền sử dụng đất của ông T, bà T đang thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện P - Phòng giao dịch L;

Cùng năm 2011, vợ chồng ông bà đã giao đủ tiền cho ông T, bà T trong đó vợ chồng ông đã giao tiền cho ông T, bà T tại Ngân hàng để ông T, bà T trả tiền cho Ngân hàng để rút lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T, bà T đang thế chấp (một phần số tiền chuyển nhượng đất ông T, bà T đã trả cho Ngân hàng hơn 900.000.000 đồng để rút lại 15 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T, bà T thế chấp).

Tại thời điểm ông T, bà T chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông thì ông T, bà T có cung cấp thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp Ngân hàng và ông T, bà T còn nợ của ông Huỳnh Văn R, ngoài ra thì không còn nợ người khác nên vợ chồng ông bà mới đồng ý nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

Sau khi ông T, bà T trả tiền Ngân hàng và rút lại 15 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp thì ông T, bà T đã giao cho vợ chồng ông bà giữ 13 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất ông T, bà T chuyển nhượng. Đồng thời ông T, bà T đã giao đất cho vợ chồng ông bà canh tác từ năm 2011 cho đến thời điểm hiện tại.

Sau đó, hai bên có đi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đứng tên theo quy định nhưng do thời điểm năm 2011 ông T, bà T phải thi hành án theo đơn yêu cầu của ông R nên Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P, tỉnh Tiền Giang không làm thủ tục cấp giấy cho vợ chồng ông vì có Công văn tạm ngưng thủ tục chuyển nhượng 13 thửa đất mà ông T, bà T đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông nhằm để đảm bảo thi hành án cho ông R.

Do không làm thủ tục sang tên được nên vợ chồng ông đã làm thủ tục khởi kiện tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T, bà T tại Tòa án nhân dân huyện P vào năm 2014 (Tòa án đã thụ lý vào ngày 04/3/2014). Khi giải quyết, Tòa án huyện P đã ban hành Quyết định buộc các bên thực hiện hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên giữa vợ chồng ông với vợ chồng ông T, bà T đã đến Văn phòng Công chứng huyện P để thực hiện đúng hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định và Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông gồm các thửa: Thửa 280, tờ bản đồ số 25, diện tích 5.718,1m² (gồm diện tích thửa 1159, 1160); Thửa 281, diện tích 3.447,7m² (gồm diện tích thửa 1156 cũ là 3.506,1m²; Thửa 327, diện tích 9.844m² (gồm diện tích thửa 1153, 1154, 1743); Thửa 406, diện tích 4.590,7m² (gồm diện tích thửa 1148 và 1149);

Thửa 282, diện tích 4.524m² (thửa cũ là 1152 diện tích 4500m²). Còn lại diện tích khoảng hơn 5.000m² chưa được cấp giấy vì đang làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng từ đất lúa sang đất nuôi trồng thủy sản thì bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện P ngăn chặn. Chi cục Thi hành án huyện P đã ban hành Quyết định số 19/QĐCCTHA ngày 21/01/2015 về việc kê biên xử lý 13 thửa đất mà ông T, bà T chuyển nhượng cho ông C, bà Th để thi hành án đối với nghĩa vụ của ông T, bà T.

Sau khi nhận đất, vợ chồng ông bà đã nhập diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông T, bà T với diện tích chuyển nhượng của ông T, diện tích hoán đổi đất với bà B nhưng chưa làm thủ tục, diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông T, bà K và cải tạo thành 11 ao nuôi trồng thủy sản và xây dựng toàn bộ hệ thống dẫn nước, thoát nước từ các ao để vợ chồng ông bà canh tác nuôi tôm (vợ chồng ông không nhớ cụ thể chi phí cải tạo đất, chi phí xây dựng hệ thống dẫn nước và thoát nước). Do đó, hiện nay vợ chồng ông bà đang sử dụng tổng diện tích 42.215,2m², trong đó diện tích bị kê biên cưỡng chế thi hành đối với nghĩa vụ của ông T, bà T là 33.116m².

Ông C, bà Th khởi kiện yêu cầu công nhận: Thửa đất số 280, tờ bản đồ số 25, diện tích 5.718,1m²; Thửa đất số 406, tờ bản đồ số 24, diện tích 4.590,7m²; Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 25, diện tích 3.447,7m²; Thửa đất số 282, tờ bản đồ số 25, diện tích 4.524m²; Thửa đất số 327, tờ bản đồ số 24, diện tích 9.844m² và phần đất diện tích hơn 5.000m² (đang thực hiện thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) mà ông bà đã nhận chuyển nhượng từ ông T, bà T là thuộc quyền sở hữu của ông bà.

Bị đơn ông Trần Ngọc T, bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày: Vào năm 2011, vợ chồng ông bà có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông C, bà Th tổng diện tích hơn 32.000m², tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang;

Ông C, bà Th đã trả đủ tiền nhận chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông bà theo thỏa thuận, số tiền ông C, bà Th trả cho vợ chồng ông bà thì vợ chồng ông bà đã trả cho Ngân hàng với tổng số tiền hơn 900.000.000 đồng vì thời điểm vợ chồng ông bà bán đất cho ông C, bà Th thì quyền sử dụng đất vợ chồng ông bà đang thế chấp tại Ngân hàng, số tiền còn lại vợ chồng ông bà đã trả bớt một phần nợ bên ngoài và nộp 01 phần vào Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P để thi hành án cho ông R. Khi trả nợ cho Ngân hàng thì tất cả quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông bà thế chấp Ngân hàng được giải chấp và vợ chồng ông bà đã giao cho ông C, bà Th giữ bản chính 13 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đã chuyển nhượng cho ông C, bà Th. Còn lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà tại thị xã P, tỉnh Tiền Giang đã bị kê biên, xử lý để thi hành án cho ông R và một số người khác. Hiện tại, vợ chồng ông bà đã không còn tài sản nào khác để thi hành án.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Mỹ S, bà Trần Thị Ánh S, bà Ngô Thị H, bà Lê Thị A, ông Nguyễn Minh S, ông Lê Văn L, ông Võ Văn S trình bày: Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển

nhượng đất giữa ông C, bà Th và ông T, bà T. Đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông C, bà Th để cơ quan thi hành án tiếp tục thi hành tài sản của ông T, bà T.

Ngoài ra ông L trình bày liên quan đến diện tích 648m² đất ông đứng tên quyền sử dụng đất nhưng ông C, bà Th đang sử dụng trong tổng diện tích 42.215,2m². Vào năm 2007, ông có chuyển nhượng diện tích 648m² đất của bà Nguyễn Ngọc T, vì ranh giới thửa đất không ngay nên ông có cho ông Trần Ngọc T sử dụng. Trong quá trình ông T sử dụng thì ông T đã ban bờ làm ao nuôi tôm. Hiện nay diện tích đất nêu trên đang do ông C sử dụng, ông L không có ý kiến tranh chấp trong vụ kiện này, nếu sau này các bên có tranh chấp thì ông khởi kiện thành vụ kiện khác.

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Vào năm 2004, ông có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị B 02 thửa đất trong đó 01 thửa diện tích 1.383m² và 01 thửa diện tích 4.580,9m², hai bên làm giấy tay, chưa làm thủ tục qua bộ và ông còn đứng sổ đỏ. Sau đó, bà B sang nhượng cho ông T, năm năm sau ông T chuyển nhượng cho ông C để trừ nợ tiền thức ăn tôm và hiện nay ông C đang sử dụng. Ông không tranh chấp diện tích đất ông đang đứng tên với ông C.

Bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà có 02 thửa đất diện tích 980,8m² và diện tích 3.160m², đất tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Hai thửa đất này bà đã bán cho bà Nguyễn Thị B là em ruột của bà cách đây 20 năm. Thời điểm bán là do bà không có tiền nên bà B muốn cho bà chuộc lại đất nhưng sau này bà quyết định bán nên đi làm thủ tục sang tên cho bà B cách đây 02 năm, bà đã ký tên làm thủ tục còn việc bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa thì bà không biết.

Bà Nguyễn Thị B trình bày: Cách đây 20 năm bà có mua 02 thửa đất của người chị ruột tên Nguyễn Thị S, thời điểm bà mua đất do lúc đó bà S còn nghèo nên sổ đỏ đang thế chấp, sau này bà và bà S có đi làm thủ tục để sang tên nhưng bà vẫn chưa nhận được sổ đỏ. Hai thửa đất mà bà mua của bà S bà đã cho ông T thuê cách đây mười mấy năm. Thời gian trước đây bà và ông C có thỏa thuận miệng hoán đổi vị trí đất của ông C với đất của bà tương đương diện tích 4.140,7m² để thuận lợi trong sản xuất, nhưng hai bên chưa làm thủ tục hoán đổi nên đất vẫn đang do bà S đứng tên. Bà không có ý kiến tranh chấp gì trong vụ kiện giữa ông C, bà Th và ông T, bà T.

Nguyễn Thành T trình bày: Trước đây, ông có 3,7 công đất ở ngoài đê tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang, ông đã chuyển nhượng cho ông T để làm đầm nuôi tôm hơn 10 năm, khi đó hai bên có làm thủ tục sang bộ nhưng có chừa lại khoảng 01 công do Nhà nước không cho người dân bán hết đất để trồng cây.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện P trình bày: Các thửa đất ông C, bà Th đang tranh chấp có các thửa gốc là 1152, 1156, 1153, 1154, 1743, 1162, 1161, 1159, 1164, 1165, 1160, 1149, 1148 thuộc quyền sở hữu của ông T, bà T là người đang phải thi hành 07 Bản án tương ứng với 07 Quyết định thi hành án cho các đương sự do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P ủy thác thi hành với số

tiền là 3.029.027.582 đồng. Do các thửa đất nêu trên chuyển nhượng sau khi có Bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 điều 6 Thông tư số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010. Hiện tại, Chi cục Thi hành án huyện P đã có Quyết định kê biên xử lý các thửa đất trên và thông báo cho ông T, bà T và ông C, bà Th biết để đảm bảo quyền lợi của mình.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện P đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Theo các văn bản số 238/CCTHADS-NV ngày 01/8/2017 và văn bản số 194/CCTHADS-NV ngày 01/7/2020 Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P cung cấp thông tin: Theo các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật mà đương sự đã có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P đã tổ chức thi hành thì ông T, bà T phải thi hành tổng số tiền 4.227.785.500 đồng. Quá trình thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P đã kê biên, xử lý 02 căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất của hộ ông T, bà T cụ thể:

Kê biên xử lý 01 căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 295,1m², tại Khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang đảm bảo thi hành án cho bản án số 41/2011/DS-ST ngày 06/4/2011, hiện đã thi hành xong nghĩa vụ đối với ông R (ưu tiên thanh toán theo Điều 47 Luật thi hành án dân sự năm 2008). Trong quá trình thi hành án đối với bản án của ông R, Chi cục Thi hành án có Công văn số 159 ngày 14/12/2011 về việc đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai huyện P không xác nhận trước bạ và làm các thủ tục chuyển nhượng, chuyển dịch đối với 13 thửa đất với tổng diện tích 29.027,7m² mà ông T, bà T đứng tên để đảm bảo thi hành bản án của ông R. Tuy nhiên, đến ngày 06/5/2014 Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P đã rút lại ngăn chặn đối với 13 thửa đất nêu trên theo Công văn số 155 ngày 06/5/2014 với lý do đã xử lý xong các tài sản tại thị xã P. Việc Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P tạm ngưng thủ tục đối với 13 thửa đất của ông T, bà T để đảm bảo thi hành án đối với bản án của ông R là đúng quy định tại Điều 69 Luật thi hành án dân sự năm 2008 và Điều 8, Điều 10 Nghị định 58 ngày 13/7/2009 của Chính phủ với lý do thời điểm ngày 14/12/2011, Chi cục Thi hành án chưa kê biên, xử lý xong các tài sản tại thị xã P nên không thể xác định tài sản tại thị xã P có đủ để thi hành cho ông R hay không nên Chi cục Thi hành án đã tạm ngưng thủ tục đối với 13 thửa đất của ông T, bà T là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Ngày 15/3/2012, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P đã kê biên xử lý tài sản của ông T, bà T để đảm bảo thi hành cho ông R và ông R đã nhận tài sản để trừ tiền thi hành án xong vào ngày 21/01/2014;

Kê biên xử lý 01 căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 171,1m², tọa lạc Khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang đảm bảo thi hành cho 07 quyết định còn lại.

Hiện tại, 02 căn nhà đã xử lý xong và các khoản thi hành còn lại thì ủy thác cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Tiền Giang vào ngày 03/3 và ngày 28/10/2014.

Theo các văn bản cung cấp thông tin ngày 27/3/2018, ngày 06/9/2019, 15/6/2020 Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P cung cấp thông tin: Năm 2010, ông T và bà T đã vay vốn tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P – Phòng giao dịch L số tiền 800.000.000 đồng theo 02 Hợp đồng tín dụng. Quá trình vay, ông T, bà T có vi phạm thời gian trả nợ 02 kỳ. Đến năm 2011 ông T, bà T đã trả tất nợ với tổng số tiền 969.003.019 đồng (trong đó số tiền gốc là 800.000.000 đồng và lãi là 169.003.019 đồng), cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 1015XNNNGOCTUYEN (6905-LAV-201010006), số tiền trả nợ là 361.903.124 đồng, cụ thể các lần trả nợ: Ngày 18/3/2011 trả 54.366.457 đồng; ngày 16/9/2011 trả 56.476.667 đồng; ngày 13/12/2011 trả tất nợ 251.060.000 đồng;

Hợp đồng tín dụng số 1015HMNNGOCTUYEN (6905-LAV-201010006), số tiền trả nợ là 607.099.895 đồng, các lần trả nợ như sau: Ngày 18/3/2011 trả 538.090.728 đồng trong đó gốc là 500.000.000 đồng, lãi là 38.090.728 đồng, đồng thời nhận lại số tiền gốc 500.000.000 đồng nên xem như ông T, bà T mới trả được 01 phần tiền lãi là 38.090.728 đồng; ngày 16/9/2011 trả nợ 547.189.723 đồng trong đó gốc là 500.000.000 đồng và lãi là 47.189.723 đồng, đồng thời nhận nợ lại số tiền gốc là 500.000.000 đồng nên xem như ông T, bà T mới trả được phần tiền lãi là 47.189.723 đồng; Ngày 13/12/2011 trả tất nợ là 521.819.444 đồng trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng và lãi là 21.819.444 đồng.

Tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng của ông T, bà T là tổng diện tích 33.568,4m², đứng tên ông T, bà T, cụ thể như sau: 13 quyền sử dụng đất gồm thửa 1148, 1149, 1159, 1160, 1164, 1165, 1152, 1153, 1154, 1156, 1743, 1161, 1162 với diện tích 33.116m², đất nuôi trồng thủy sản và đất lúa, đất tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang; 02 quyền sử dụng đất gồm thửa 84 và thửa 86, diện tích 452,4m², đất vườn và đất ở, đất tại phường N, thị xã P.

Đối với việc ông T, bà T thỏa thuận chuyển nhượng 13 thửa đất mà ông T, bà T đang thế chấp tại Ngân hàng cho ông C, bà Th thì Ngân hàng không biết sự thỏa thuận này, đồng thời việc cung cấp toàn bộ bản sao hồ sơ vay vốn theo yêu cầu của Tòa án thì do đây là khoản vay ngắn hạn và Ngân hàng đã thu tất nợ ngày 13/12/2011, theo quy định lưu trữ bảo quản chứng từ thì hồ sơ vay đã thu hết nợ đối với món vay ngắn hạn có thời hạn bảo quản là 05 năm vì vậy tính đến nay hồ sơ cho vay này chi nhánh đã tiêu hủy.

Theo Công văn số 609/UBND-TNMT ngày 02/3/2016 và Công văn số 1186/UBND-TNMT ngày 17/4/2019 Ủy ban nhân dân huyện P ý kiến: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 406, diện tích 4.590,7m²; thửa 280, diện tích 5.718,1m²; thửa 281, diện tích 3.447,7m²; thửa 282, diện tích 4524m²; thửa 327, diện tích 9.844m² cho ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị T theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Đối với yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì Ủy ban nhân dân huyện không ý kiến, việc giải quyết do Tòa án quyết định.

Theo biên bản ghi lời khai, đại diện Văn phòng Công chứng huyện P trình bày: Ngày 29/5/2014, Văn phòng Công chứng huyện P có nhận được phiếu yêu cầu công chứng đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trần Ngọc T, sinh năm 1964, cư ngụ Khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang. Cùng ngày 29/5/2014, tại Văn phòng Công chứng huyện P đã tiến hành công chứng 13 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là ông Trần Ngọc T, bà Nguyễn Thị Diễm T với bên nhận chuyển nhượng là ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị Thắng, cụ thể 13 hợp đồng chuyển nhượng liên quan đến các thửa đất số 1148, 1149, 1159, 1160, 1164, 1165, 1152, 1153, 1154, 1156, 1743, 1161, 1162 tọa lạc ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Quá trình Văn phòng Công chứng huyện P tiến hành công chứng 13 hợp đồng nêu trên là đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Nay các đương sự trong vụ án yêu cầu hủy 13 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên thì Văn phòng Công chứng huyện P không có ý kiến, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 262/2020/DSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã quyết định: Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 167, Điều 188 Luật đất đai. Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ các điều 164, 168, 170, 688, 689, 691, 692 Bộ luật dân sự năm 2005. Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C, bà Th đối với ông T, bà T. Công nhận các thửa đất: Thửa 280, tờ bản đồ số 25, diện tích 5.718,1m² (gồm diện tích thửa 1159 + 1160); Thửa 281, diện tích 3.447,7m² (thửa cũ là 1156, diện tích 3.506,1m²); Thửa 282, diện tích 4.524m² (thửa cũ là 1152, diện tích 4500m²); Thửa 327, diện tích 9.844m² (gồm diện tích thửa 1153 + 1154 + 1743); Thửa 406, diện tích 4.590,7m² (gồm diện tích thửa 1148 + 1149) các thửa đất nêu trên ông C, bà Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các thửa đất: Thửa 1161, diện tích 1.500m²; Thửa 1162, diện tích 780m²; Thửa 1164, diện tích 1.260m²; Thửa 1165, diện tích 780m², tất cả các thửa đất tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sở hữu của ông C, bà Th.

Ông C, bà Th được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các Thửa 1161, diện tích 1.500m²; Thửa 1162, diện tích 780m²; Thửa 1164, diện tích 1.260m²; Thửa 1165, diện tích 780m².

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Mỹ S, bà A, bà Ánh S, bà H, ông S, ông L, ông S yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 13 thửa đất mà ông T, bà T đã chuyển nhượng cho ông C, bà Th và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất mà ông C, bà Th đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp năm 2014.

Về án phí: Bị đơn ông T, bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Mỹ S, bà A, bà Ánh S, bà H, ông S, ông L, ông S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 39919 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Tiền Giang nên đã thi hành xong.

Hoàn lại cho ông C, bà Th số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 36952 ngày 02/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/10/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị A, Trần Thị Ánh S, Ngô Thị H, Nguyễn Minh S, Lê Văn L, Võ Văn S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của Lê Thị A, Trần Thị Ánh S, Ngô Thị H, Nguyễn Minh S, Lê Văn L, Võ Văn S;

Ngày 23/10/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Mỹ S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Trương Mỹ S.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị A, bà Trần Thị Ánh S, ông Nguyễn Minh S, ông Lê Văn L, ông Võ Văn S, bà Trương Mỹ S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị A, bà Trần Thị Ánh S, ông Nguyễn Minh S, ông Lê Văn L, ông Võ Văn S, bà Trương Mỹ S;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị A, bà Trần Thị Ánh S, ông Nguyễn Minh S, ông Lê Văn L, ông Võ Văn S, bà Trương Mỹ S, đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp; Thời hạn kháng cáo; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “*Quyền sở hữu về tài sản là quyền sử dụng đất*” và “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” được quy định tại Điều 164 và Điều 688 Bộ luật Dân Sự năm 2005;

Căn cứ vào đơn kháng cáo bà Lê Thị A, bà Trần Thị Ánh S, bà Trương Mỹ S, ông Nguyễn Minh S, ông Lê Văn L, ông Võ Văn S và biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn Lưu Thị T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành T, Lê Kim K, Văn phòng Công chứng huyện P, Chi cục Thi hành án huyện P, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, Ủy ban nhân dân huyện P theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự nhưng bà Th, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 294, 296 Bộ luật Tố tụng Dân Sự xét xử vắng mặt bà Lưu Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị H có đơn kháng cáo nhưng được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân Sự thì xem như bà H từ bỏ việc kháng cáo nên cần đình chỉ đối với phần yêu cầu kháng cáo của bà H và số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm được sung công quỹ Nhà Nước.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị A, Trần Thị Ánh S, Nguyễn Minh S, Lê Văn L, Võ Văn S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của Lê Thị A, Trần Thị Ánh S, Nguyễn Minh S, Lê Văn L, Võ Văn S, Trương Mỹ S, Hội đồng xét xử xét thấy:

Năm 2011, ông T, bà T và ông C, bà Th thỏa thuận chuyển nhượng 13 thửa đất gồm các thửa: Số 280, tờ bản đồ số 25, diện tích 5.718,1m² (gồm diện tích thửa 1159 + thửa 1160); Số 281, diện tích 3.447,7m² (gồm diện tích thửa 1156); Số 282, diện tích 4.524m² (thửa cũ là 1152, diện tích 4.500m²); Số 327, diện tích 9.844m² (gồm diện tích thửa 1153 + thửa 1154 + thửa 1743); Số 406, diện tích 4.590,7m² (gồm diện tích thửa 1148 + thửa 1149); Số 1161, diện tích 1.500m²; Số 1162, diện tích 780m²; Số 1164, diện tích 1.260m²; Số 1165, diện tích 780m² tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Giá chuyển nhượng 50.000.000 đồng/01công;

Tại thời điểm thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 13 thửa đất nêu trên, ông T, bà T đang được thế chấp vay Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P – Phòng giao dịch L gồm 13 thửa đất và 02 phần đất - nhà, tại thị xã P, tỉnh Tiền Giang;

Ông C, bà Th đã giao đủ tiền cho ông T, bà T vào năm 2011 và ông T, bà T đã sử dụng tiền chuyển nhượng trả cho Ngân hàng với số tiền là 969.003.019 đồng;

Thời điểm ông C, bà Th nhận chuyển nhượng đất của ông T, bà T thì ông T, bà T có nghĩa vụ thi hành án đối với bản án số 41 ngày 06/4/2011 cho ông Huỳnh Văn R với số tiền là 779.785.500 đồng nên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P đã ban hành Công văn số 159 ngày 14/12/2011 về việc đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai huyện P không xác nhận trước bạ và làm các thủ tục chuyển nhượng, chuyển dịch đối với 13 thửa đất mà ông T, bà T đứng tên để đảm bảo thi hành án cho ông R;

Ông T, bà T đã sử dụng số tiền chuyển nhượng đất để trả nợ Ngân hàng và tài sản của ông T, bà T được giải chấp thì Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P đã kê biên xử lý 02 căn nhà tại thị xã P để thi hành toàn bộ cho ông R và một phần cho 07 người có quyền lợi liên quan;

Năm 2011, ông T đã giao đất cho ông C sử dụng, hiện nay ông C sử dụng tổng diện tích 42.215,2m² trong đó có diện tích ông C nhận chuyển nhượng của ông T, bà T là 33.116m² nhập với diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông T (chưa làm thủ tục sang tên), diện tích đất hoán đổi với bà B, diện tích đất của ông T, bà K đứng tên thành 01 thửa, quá trình sử dụng ông C đã cải tạo từ 04 ao nuôi tôm thành 11 ao nuôi tôm như hiện nay, đồng thời ông C, bà Th đã xây dựng hệ thống dẫn nước và thoát nước vào các ao nuôi tôm này;

Do bản án của ông R đã được thi hành xong nên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P đã ban hành Công văn số 155 ngày 06/5/2014 về việc rút lại ngăn chặn đối với 13 thửa đất nêu trên;

Ngày 04/3/2014, ông C, bà Th đã khởi kiện ông T, bà T về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tại thời điểm này các đương sự đã khắc phục về hình thức của hợp đồng và 13 thửa đất trên đã được Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P đã ban hành Công văn số 155 ngày 06/5/2014 về việc rút lại ngăn chặn và ông C, bà Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng và một số thửa đang chuyển đổi mục đích sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện P kê biên toàn diện tích 13 thửa đất trên;

Cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định, định giá đối phần đất ông C, bà Th đang sử dụng nhưng không xác định được vị trí của 13 thửa đất mà ông T, bà T đã chuyển nhượng vì diện tích đất ông C, bà Th đang sử dụng đã nhập thành 01 thửa nên không thể sử dụng phương pháp đo máy để chuyển tọa độ phân ranh lại các thửa đất đang tranh chấp;

Việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện P kê biên toàn diện tích 13 thửa đất mà ông T, bà T chuyển nhượng cho ông C, bà Th để thi hành các khoản tiền còn lại cho 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì cho rằng việc thỏa thuận

chuyển nhượng giữa ông T, bà T không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án;

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại thời điểm ông T, bà T chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông C, bà Th thì tất cả tài sản của ông T, bà T đang thế chấp để đảm bảo cho việc thanh toán số tiền nợ 969.003.019 đồng tại Ngân hàng và tài sản còn lại của ông T, bà T được sử dụng để thi hành án cho ông R;

Cũng tại thời điểm năm 2011, ông T, bà T đã mất khả năng chi trả cho ngân hàng nên lời trình bày của ông C, bà Th là có cơ sở. Sau khi thi hành bản án cho người được thi hành là ông R thì Chi cục thi hành án thị xã P ban hành Công văn số 155 ngày 06/5/2014 về việc rút lại ngăn chặn đối với 13 thửa đất nêu trên. Sau đó, ông C, bà Th và ông T, bà T đã hoàn chỉnh về mặt hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là đúng theo quy định của pháp luật đất đai. Giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2011 cũng phù hợp với giá thực tế tại địa phương nên việc nhận chuyển nhượng của ông C, bà Th là ngay tình nên cần được đảm bảo quyền lợi cho người thứ ba ngay tình.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị A, bà Trần Thị Ánh S, ông Nguyễn Minh S, ông Lê Văn L, ông Võ Văn S, bà Trương Mỹ S cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được giải quyết bằng Quyết định số 71/2014/QĐST-DS, ngày 04/6/2014 của Tòa án nhân dân thị xã P nên một vụ án đã được thụ lý giải quyết hai lần. Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã thu thập hồ sơ giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân thị xã P nên Quyết định số 71/2014/QĐST-DS, ngày 04/6/2014 của Tòa án nhân dân thị xã P là một quan hệ pháp luật tranh chấp khác nên lời khai nại của người kháng cáo là không có cơ sở;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị A, bà Trần Thị Ánh S, ông Nguyễn Minh S, ông Lê Văn L, ông Võ Văn S, bà Trương Mỹ S không đưa ra được căn cứ chứng minh nào khác ngoài những chứng cứ đã thu thập tại Tòa án cấp sơ thẩm. Vì thế, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị A, bà Trần Thị Ánh S, ông Nguyễn Minh S, ông Lê Văn L, ông Võ Văn S, bà Trương Mỹ S cho nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Lê Thị A, bà Trần Thị Ánh S, ông Nguyễn Minh S, ông Lê Văn L, ông Võ Văn S, bà Trương Mỹ S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 164, 168, 170, 688, 689, 691, 692 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị A, bà Trần Thị Ánh S, ông Nguyễn Minh S, ông Lê Văn L, ông Võ Văn S, bà Trương Mỹ S.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị H;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 262/2020/DSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C, bà Th đối với ông T, bà T. Công nhận các thửa đất: Thửa 280, tờ bản đồ số 25, diện tích 5.718,1m² (gồm diện tích thửa 1159 + 1160); Thửa 281, diện tích 3.447,7m² (thửa cũ là 1156, diện tích 3.506,1m²); thửa 282, diện tích 4.524m² (thửa cũ là 1152, diện tích 4500m²); Thửa 327, diện tích 9.844m² (gồm diện tích thửa 1153 + 1154 + 1743); Thửa 406, diện tích 4.590,7m² (gồm diện tích thửa 1148 + 1149) các thửa đất nêu trên ông C, bà Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các thửa đất: Thửa 1161, diện tích 1.500m²; Thửa 1162, diện tích 780m²; Thửa 1164, diện tích 1.260m²; Thửa 1165, diện tích 780m², tất cả các thửa đất tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sở hữu của ông C, bà Th.

Ông C, bà Th được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các Thửa 1161, diện tích 1.500m²; Thửa 1162, diện tích 780m²; Thửa 1164, diện tích 1.260m²; Thửa 1165, diện tích 780m².

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trương Mỹ S, bà Lê Thị A, bà Trần Thị Ánh S, bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Minh S, ông Lê Văn L, ông Võ Văn S về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 13 thửa đất mà ông T, bà T đã chuyển nhượng cho ông C, bà Th và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất mà ông C, bà Th đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp năm 2014.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông T, bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Mỹ S, bà A, bà Ánh S, bà H, ông S, ông L, ông S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 39919 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Tiền Giang nên đã thi hành xong.

Hoàn lại cho ông C, bà Th số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 36952 ngày 02/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Tiền Giang.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị A, bà Trần Thị Ánh S, ông Nguyễn Minh S, ông Lê Văn L, ông Võ Văn S mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm;

Bà Trương Mỹ S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Sương đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016916 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Sung công quỹ số tiền tạm ứng án phí mà bà Ngô Thị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016849 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện P;
- THADS huyện P;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

Trương Vĩnh Hữu